

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Quốc Thống;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Út E, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Út E trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị H có tìm hiểu được khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân vào khoảng năm 1999, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến nay không có đăng ký kết hôn, vì không biết là chung sống phải đăng ký kết hôn. Hôn nhân ban đầu hạnh phúc

đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về làm ăn kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn T (nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Ng, sinh năm 2006. Hiện các con đang sống chung nhà với chúng tôi. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Ng giao cho bà H nuôi dưỡng.

Không đặt ra cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 19/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn ông Út E trình bày là đúng, chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chúng tôi xảy ra mâu thuẫn thời gian dài từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đồng ý ly hôn với ông Út E.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T (nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Ng, sinh năm 2006. Hiện các con đang sống chung nhà với chúng tôi. Khi ly hôn, chúng tôi thống nhất các con sẽ chung sống với tôi.

Về cấp dưỡng không yêu cầu.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Hai đương sự vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày trên. Nguyên đơn không đồng ý rút lại đơn khởi kiện ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Út E và bà Nguyễn Thị H tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1999, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, các đương sự đều kết hôn lần thứ nhất.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân theo trình bày của hai đương sự là do không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, mâu thuẫn xảy ra từ năm 2017 đến nay cũng không khắc phục được, ông Út E yêu cầu ly hôn, bà H đồng ý. Tại phiên tòa ông Út E không đồng ý rút đơn khởi kiện ly hôn. Xét thấy, ông Út E và bà H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia

đình thì quan hệ hôn nhân của ông Út E và bà H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2]. Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn T (nam), sinh năm 2000 và Nguyễn Văn Ng, sinh năm 2006. Hiện nay vẫn sống chung nhà với ông bà, khi ly hôn hai đương sự thỏa thuận giao cháu Ng cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, còn cháu T đã trưởng thành sống tự lập được nên không đặt ra yêu cầu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Ng, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Út E phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Út E và bà Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 28/01/2006 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Út E phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016473 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, ông Út E đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính